

PHỤ LỤC KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TCKH của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Krông Ana)

TT	Chủng loại vật liệu thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá phế liệu (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Dãy nhà Một cửa					<i>Đơn giá thực tế</i>
1	Mái Tôn	m2	140	12.000	1.680.000	
2	Trần Tôn Lạnh	m2	75	10.000	750.000	
3	Xà gồ sắt (40x80x1,4)mm; dài 13,4m	Cây	10	210.000	2.100.000	
4	Đà trần sắt (30x60x1,2); dài 13,4m	Cây	13	120.000	1.560.000	
5	Cửa đi kính (6,4x3,6)	Bộ	1	2.500.000	2.500.000	
6	Cửa đi kính (1,6x3,6)m	Bộ	1	900.000	900.000	
7	Cửa đi gỗ kính (1,7x2,4)m	Bộ	1	1.050.000	1.050.000	
8	Cửa đi gỗ (1,2x2,7)m	Bộ	1	1.050.000	1.050.000	
9	Cửa sổ gỗ, kính (1,7x1,85)m	Bộ	6	900.000	5.400.000	
10	Cửa sổ gỗ, kính (1,7x1,2)m	Bộ	2	800.000	1.600.000	
	Tổng cộng:				18.590.000	

Bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng chẵn